TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30** /2019/HNGĐ - ST
Ngày: 03-10-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S , TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Hồ Hải Thành

2. Bà Dương Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án của TAND quận S , thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S , thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* ông Đoàn Hải Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H - sinh năm: 1975

Địa chỉ: K64/3 đường T, tổ 36 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Đình L - sinh năm: 1974

Địa chỉ: K64/3 đường T, tổ 36 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2019, bản trình bày ngày 27/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H kết hôn với ông Ngô Đình L vào năm 1997 sau đó do mâu thuẫn gia đình nên đến năm 2001 ông bà được Tòa án giải quyết ly hôn. Vì thương con nên vào năm 2011 ông bà đăng ký kết hôn lại, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thiếu sự tin tưởng nhau về kinh tế, ông L không có sự chia sẻ với bà H trong cuộc sống, không có trách nhiệm với gia đình, ham mê cờ bạc, thậm chí ông L có hành vi đánh đập bà H nên xảy ra xung đột, cãi vã. Mặc dù sống trong cùng một nhà nhưng hai bên độc lập về kinh tế, sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Nay bà H xác định về tình cảm không còn thương yêu ông L nên xin được ly hôn với ông L.

- Về nuôi con chung: bà H xác định có 02 con chung Ngô Đình M, sinh ngày 04/01/1998 và Ngô Đình H – sinh ngày: 22/01/2006. Tại đơn khởi kiện, bà H có nguyện vọng xin nuôi con Ngô Đình H, yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng. Riêng cháu Ngô Đình M đã 18 tuổi và phát triển bình thường nên bà H không yêu cầu gì. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà H giữ nguyên yêu cầu như trên.

- Về tài sản chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có.

- Tại bản tự khai ngày 01/7/2019 tại Trung tâm hòa giải Tòa án của bị đơn ông Ngô Đình L thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như bà H trình bày. Ông xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vơ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên hai bên thường xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn được hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông xác định không còn yêu thương bà H nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông L xác nhận có 2 con chung: Ngô Đình M, sinh ngày 04/01/1998 và Ngô Đình H – sinh ngày: 22/01/2006. Ông thống nhất giao con Ngô Đình H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, ông L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng. Riêng cháu Ngô Đình M đã 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông L xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên toà xét xử vụ án trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S.phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S.đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc ly hôn với ông Ngô Đình L.

Về con chung: Giao con chung Ngô Đình H sinh ngày: 22/01/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, ông L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng cháu Ngô Đình M đã 18 tuổi và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân quận S.đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Ngô Đình L nhưng tại phiên tòa hôm nay ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Ngô Đình L.

Về nội dung vụ án:

[2] ông Ngô Đình L và bà Phan Thị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, quận S, Tp Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L ham mê cờ bạc, ít quan tâm gia đình, hai bên không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thiếu sự tin tưởng nhau về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2016 đến nay hai bên sống ly thân, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay bà H xác định không còn yêu thương ông L nữa nên xin được ly hôn. Còn bị đơn ông L mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

[4]Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thì thấy: Giữa ông L, bà H từ khi kết hôn năm 2011 đến nay hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra cả hai bên đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ 2016 đến nay. Đối với ông L có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, điều này thể hiện ông L vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân ông L không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với bà H. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng ông L, bà H đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà H được ly hôn ông L là hoàn toàn phù hợp với điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: có 02 con chung Ngô Đình M, sinh ngày 04/01/1998 và Ngô Đình H – sinh ngày: 22/01/2006. Ly hôn bà H có nguyện vọng xin được nuôi con Ngô Đình H cho đến khi con đủ 18 tuổi. Còn ông L cũng thống nhất giao con Ngô Đình H cho bà H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà H về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, bà H là người trực tiếp nuôi cháu H, nguyện vọng của cháu H mong muốn được ở với mẹ nên HĐXX nghĩ nên giao con Ngô Đình H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp tình hình thực tế và phù hợp nguyện vọng của con cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con bà Hoa yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung Ngô Đình H mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 01/7/2019 của ông L cũng thống nhất việc ông sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Đình H mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu cấp dưỡng trên đảm bảo quyền lợi cho con và phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Ngô Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về nợ chung: Bà H và ông L xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[10] Về án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000đ ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Phan Thị H đối với ông Ngô Đình L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị H được ly hôn với ông Ngô Đình L *(Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của* bà Phan Thị H *đối với* ông Ngô Đình L *nên giấy chứng nhận kết hôn hôn số 105, quyển số 01/2011 do UBND phường A, quận S , TP Đà Nẵng cấp ngày 21/6/2011 không còn giá trị pháp lý)*

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Đình H, sinh ngày 22/01/2006 cho bà Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông L cấp dưỡng nuôi con Ngô Đình H mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng con Ngô Đình M sinh ngày: 04/01/1998 đã 18 tuổi và phát triển bình thường nên Tòa án không giải quyết.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Phan Thị H phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S , TP. Đà Nẵng biên lai thu số 0007950 ngày 10 tháng 7 năm 2019.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ 300.000đ ông Ngô Đình L phải chịu.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận S ;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường A, quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**